TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 140/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 28/5/2025
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Ngô Văn Bê
Ông Nguyễn Hồng Phương

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Ngô Thị Vân Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 49/2025/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 02 năm 2025 về việc "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 78/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 33/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28/4/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1997 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Y, xã Y, thành phố B, tỉnh B. Hiện chị M đang lao động tại S.

Chị M ủy quyền cho chị Nguyễn Thị Hồng G, sinh năm 1999; Địa chỉ: xóm C, xã H, huyện H, tỉnh N giao nhận các tài liệu với Tòa án (văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 02 năm 2025).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1999 (vắng mặt)

Nơi thường trú và địa chỉ cuối cùng của anh Q ở Việt Nam: thôn Y, xã Y, thành phố B, tỉnh B.

Hiện anh Q đang lao động tại nước ngoài, không rõ địa chỉ.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Trần Thị T, sinh năm 1971 (vắng mặt);

Nơi cư trú: thôn Y, xã Y, thành phố B, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn - chị Nguyễn Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Trước khi kết hôn chị và anh Q được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B. Sau khi kết hôn chị về nhà anh Q làm dâu và chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2020 anh Q đi lao động tại Đ, năm 2022 chị M đi lao động tại S. Sau khi đi lao động một thời gian thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống và khoảng cách địa lý nên vợ chồng không có cơ hội gặp gỡ, không còn liên lạc quan tâm nhau nên mối quan hệ ngày càng xa cách. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng không được. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn Q.

Về con chung: Chị và anh Q có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 03/4/2020. Hiện cháu N đang sống cùng với bà nội là bà Trần Thị T. Nay vợ chồng ly hôn, chị có nguyện vọng giao cho anh Hoàng Văn Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Do anh Q đang lao động tại nước ngoài nên chị đề nghị tạm giao cháu N cho bà T nuôi dưỡng, chăm sóc trong thời gian anh ở nước ngoài.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Hoàng Văn Q là bị đơn không có mặt tại địa phương, không gửi văn bản giấy tờ, tài liệu về cho Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

Tại biên bản làm việc ngày 12/3/2025 và ngày 24/3/2025, bà Trần Thị T là mẹ đẻ của anh Hoàng Văn Q trình bày: Anh, chị được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới, hỏi theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B. Sau khi kết hôn chị M về nhà tôi làm dâu và chung sống hòa thuận với gia đình nhà chồng. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên cuối năm 2020, anh Q đi lao động tại Đ và đến năm 2022, chị M đi lao động tại S. Sau khi đi lao động một thời gian thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn theo anh, chị nói là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng xa cách nên không còn quan tâm nhiều đến nhau. Bà có khuyên bảo anh, chị về ở với nhau để chăm sóc con cái nhưng không được. Anh, chị có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 03/4/2020, hiện cháu đang sống cùng bà.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T trình bày: Bà đồng ý thay anh Q chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N trong thời gian anh Q đi lao động nước ngoài. Bà xác định việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N từ trước cho đến

nay đều là quyền cũng như nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu nên bà không yêu cầu chị M, anh Q phải trích trả công sức chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N. Bà không yêu cầu chị M, anh Q phải cấp dưỡng nuôi cháu N do anh Q vẫn gửi tiền về cho bà chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N.

Tại phiên tòa sơ thẩm, chị Nguyễn Thị M, bà Trần Thị T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn Q đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vẫn vắng mặt.

Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị Nguyễn Thị M, biên bản lấy lời khai của bà Trần Thị T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn không có địa chỉ cụ thể ở nước ngoài, Tòa án đã niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng đối với bị đơn. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị M.

Về hôn nhân: Cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

Về nuôi con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao cháu Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 03/4/2020 cho anh Hoàng Văn Q nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật nhưng tạm giao cho bà Trần Thị T nuôi dưỡng trong thời gian anh Q ở nước ngoài.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị M đã nộp tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị Nguyễn Thị M khởi kiện xin ly hôn anh Hoàng Văn Q và đề nghị giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết: Theo Công văn trả lời số 3890/QLXNC-P3 ngày 03/3/2025 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, anh Q đã xuất nhập cảnh Việt Nam nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 27/11/2022, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Theo công văn số 4727/QLXNC-P3 ngày 12/3/2025 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ công an cung cấp, chị M đã xuất nhập cảnh Việt Nam nhiều lần, lần xuất cảnh gần nhất là ngày 10/4/2024, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định anh Q, chị M hiện đang lao động tại nước ngoài. Mặt khác, anh Q, chị M đều có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Bắc Giang nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị M có về thăm gia đình từ ngày 21/3/2025 đến ngày 21/4/2025 sau đó tiếp tục đi lao động nước ngoài không làm thay đổi thẩm quyền theo điều 471 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3].Về việc vắng mặt của đương sự:

Đối với nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều có xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị M, bà T.

Đối với bị đơn anh Hoàng Văn Q: Căn cứ theo lời khai của nguyên đơn, bà T (là mẹ đẻ anh Q), Hội đồng xét xử xác định nơi cư trú cuối cùng của anh Q trước khi xuất cảnh ở thôn Y, xã Y, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B. Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đã tiến hành giao thông báo thụ lý vụ án cho anh Q thông qua người thân của anh Q là bà Trần Thị T (mẹ đẻ anh Q) và đề nghị bà T thông báo cho anh Q biết việc Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang đang thụ lý, giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" giữa nguyên đơn là chị Nguyễn Thị M và bị đơn là anh Hoàng Văn Q. Bà T cho biết anh Q vẫn thường xuyên liên lạc về gia đình, nhưng anh Q không cung cấp cho gia đình, Tòa án địa chỉ cụ thể của anh Q tại nước ngoài. Do đó, Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp bị đơn cố tình giấu địa chỉ, từ chối khai báo, từ chối cung cấp những tài liệu cần thiết. Vì vậy, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cần tống đạt cho bị đơn và xử vắng mặt bị đơn theo Điều 10 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[4]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Hoàng Văn Q kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 11/12/2019 tại Ủy ban nhân dân xã Y, huyện Y (nay là thành phố B), tỉnh B. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Do khoảng cách địa lý và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chị M, anh Q phát sinh mâu thuẫn, chị M xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị M đối với anh Hoàng Văn Q. Hội đồng xét xử thấy: Sau khi kết hôn chị M và anh Q chung sống với nhau hạnh phúc được một khoảng thời gian, sau khi anh chị đi lao động tại nước ngoài thì anh chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Từ đó đến nay, chị M, anh Q không còn quan tâm, không còn liên lạc với nhau nữa. Do đó, Hội đồng xét xử xác định vợ chồng chị M, anh Q không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Nên Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại Điều 51, Điều 53, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình. Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M đối với anh Q, xử cho chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn Q như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ.

[5]. Về nuôi con chung: Chị M, anh Q có 01 con chung là cháu Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 03/4/2020. Sau khi ly hôn chị M đề nghị giao con chung cho anh Q là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục nhưng tạm giao cháu N cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng trong thời gian anh Q ở nước ngoài.

Xét yêu cầu giao cháu N cho anh Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng của chị M, Hội đồng xét xử thấy: anh Q, chị M hiện nay đang lao động tại nước ngoài nên không đảm bảo việc nuôi dưỡng, chăm sóc con chung. Tuy nhiên, mẹ anh Q là bà T đồng ý chăm sóc, nuôi dưỡng cháu N thay anh Q cho đến khi anh Q về nước sinh sống. Thực tế cháu N hiện nay đang sinh sống cùng bà T từ khi anh Q, chị M đi nước ngoài lao động cho đến nay, cháu phát triển ổn định cả về thể chất lẫn tinh thần. Do đó, Hội đồng xét xử thấy giao cháu N cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung sau ly hôn nhưng tạm giao cho bà T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh Q về nước sinh sống là phù hợp với tình hình thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83, 104 Luật hôn nhân và gia đình cũng như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị M có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp chị Nguyễn Thị M có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6].Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị M, bà T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7].Về tài sản, công nợ chung: Do chị M không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7].Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị M, bị đơn anh Hoàng Văn Q đang ở nước ngoài vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 01 tháng kể từ ngày Bản án được tống đạt hợp lệ hoặc Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T đang ở trong nước vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định tại Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 104, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M được ly hôn anh Hoàng Văn Q.

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Hoàng Thị Kim N, sinh ngày 03/4/2020 cho anh Hoàng Văn Q nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Nhưng tạm giao cháu Hoàng Thị Kim N cho bà Trần Thị T nuôi dưỡng cho đến khi anh Hoàng Văn Q về nước sinh sống hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn chị Nguyễn Thị M không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở chị M thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000404 ngày 27/02/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị M đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị M, anh Hoàng Văn Q có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Bà Trần Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được tống đạt Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
-VKSND tỉnh Bắc Giang;
-Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
-UBND xã Yên Lư, TP. Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang;
-Cổng thông tin điện tử TAND;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ vụ án;
-Lưu Tổ HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thông